

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 7 - 2022

V/v tranh chấp “hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Tố Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HN ngày 10/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HN ngày 27/6/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1998, nơi cư trú: 18/37, khóm T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1989, nơi cư trú: Canada, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà A trình bày:

Qua tìm hiểu bà A và ông B đã đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 26/02/2020. Sau khi kết hôn bà A và ông B không sống cùng nhau. Ông B trở về Canada và không quay trở lại Việt Nam nữa. Bà A và ông B có liên hệ qua điện thoại nhưng nhận thấy tình cảm không còn, khoảng cách xa về địa lý, bất đồng quan điểm và cách sống. Nay bà A làm đơn khởi kiện ly hôn với ông B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 25/5/2022, bị đơn ông B trình bày đồng ý ly hôn với bà A và xin vắng mặt khi xét xử. Vợ chồng không có con chung và cũng không có tài sản chung, nợ chung.

Ngày 27/4/2022, bà Như có đơn yêu cầu không hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông B, sinh năm 1989, có nơi cư trú tại Canada, nguyên đơn có nơi cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà A và ông B có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 26/02/2020 nên xác định hôn nhân.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và trình bày: Sau khi kết hôn bà A và ông B không sống cùng nhau. Ông B trở về Canada và không quay trở lại Việt Nam nữa. Bà A và ông B có liên hệ qua điện thoại nhưng nhận thấy tình cảm không còn, khoảng cách xa về địa lý, bất đồng quan điểm và cách sống.

Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện ly hôn và bị đơn có văn bản đồng ý.

Xét, vợ chồng do xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất hòa và không thể tiếp tục sống chung, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

1. Bà A được ly hôn với ông B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000104 ngày 26/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà A có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông B là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang ;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Tòa Gia đình và NCTN;
- Ủy ban nhân dân thành phố X;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

Quách Tổ Giang